

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>206.065</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>206.065</b>
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	11.595	I. Chi đầu tư phát triển	
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	985	II. Chi thường xuyên	202.136
3. Nguồn cải cách tiền lương phường		III. Dự phòng	3.929
4. Thu bổ sung	185.468		
- Thu bổ sung cân đối ngân sách	185.468		
- Thu bổ sung từ ngân sách quận thực hiện tăng lương sơ cơ			
- Bổ sung có mục tiêu			
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.313		
6. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	5.704		

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
	<b>TỔNG THU</b>	<b>210.715</b>	<b>206.065</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>11.595</b>	<b>11.595</b>
	Phí, lệ phí	520	520
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.260	3.260
	Lệ phí trước bạ	6.890	6.890
	Thu khác	105	105
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	820	820
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>5.635</b>	<b>985</b>
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	3.790	985
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.845	
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>	<b>2.313</b>	<b>2.313</b>
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>185.468</b>	<b>185.468</b>
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	185.468	185.468
	- Thu bổ sung có mục tiêu		
<b>VI</b>	<b>Cân đối từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên</b>	<b>5.704</b>	<b>5.704</b>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025  
của UBND phường An Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>206.065</b>		<b>206.065</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>202.136</b>		<b>202.136</b>
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128.083		128.083
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-
3	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	4.590		4.590
-	<i>Chi An ninh</i>	3.604		3.604
-	<i>Chi Quốc phòng</i>	986		986
4	Chi y tế, dân số và gia đình	3.625		3.625
5	Chi văn hóa thông tin	4.972		4.972
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	255		255
7	Chi thể dục thể thao	189		189
8	Chi bảo vệ môi trường	4.533		4.533
9	Chi sự nghiệp kinh tế	6.058		6.058
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	35.738		35.738
11	Chi bảo đảm xã hội	13.554		13.554
12	Chi thường xuyên khác	539		539
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.929</b>		<b>3.929</b>

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ TTATXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HND	CHI BẢO ĐÀM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>202.136.000.000</b>	<b>128.083.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>3.625.000.000</b>	<b>4.972.000.000</b>	<b>255.000.000</b>	<b>189.000.000</b>	<b>4.533.000.000</b>	<b>6.058.000.000</b>	<b>35.738.000.000</b>	<b>13.554.000.000</b>	<b>539.000.000</b>	<b>5.704.000.000</b>	<b>196.432.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>															
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>202.136.000.000</b>	<b>128.083.000.000</b>	<b>4.590.000.000</b>	<b>3.625.000.000</b>	<b>4.972.000.000</b>	<b>255.000.000</b>	<b>189.000.000</b>	<b>4.533.000.000</b>	<b>6.058.000.000</b>	<b>35.738.000.000</b>	<b>13.554.000.000</b>	<b>539.000.000</b>	<b>5.704.000.000</b>	<b>196.432.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Đảng ủy</b>	<b>2.790.628.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>2.790.628.000</b>	-	-			
<b>2</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường</b>	<b>1.024.988.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>1.024.988.000</b>	-	-	-		
<b>3</b>	<b>Văn phòng HĐND và UBND</b>	<b>38.482.334.670</b>	-	<b>3.815.299.500</b>	<b>83.800.000</b>	<b>4.454.600.000</b>	<b>62.650.000</b>	<b>94.500.000</b>	<b>993.061.792</b>	<b>4.676.084.000</b>	<b>20.183.867.018</b>	<b>3.987.997.360</b>	<b>130.475.000</b>			
<b>4</b>	<b>Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị</b>	<b>4.453.894.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>1.755.091.000</b>	<b>663.435.000</b>	<b>1.261.968.000</b>	<b>773.400.000</b>	-	-		
<b>5</b>	<b>Phòng Văn hoá - Xã hội</b>	<b>18.878.938.407</b>	<b>9.604.445.407</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>864.693.000</b>	<b>8.409.800.000</b>	-			
<b>6</b>	<b>Trung tâm phục vụ hành chính công</b>	<b>511.138.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>511.138.000</b>					
<b>7</b>	<b>Trung tâm sự nghiệp công</b>	<b>456.851.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>456.851.000</b>	-	-			
<b>8</b>	<b>Bảo hiểm xã hội cơ sở An Dương</b>	<b>3.500.000.000</b>			<b>3.500.000.000</b>											
<b>9</b>	<b>Các Trường: Mầm non, Tiểu học, THCS</b>	<b>111.459.980.216</b>	<b>111.459.980.216</b>													
-	Mầm non Hồng Thái	7.958.729.228	7.958.729.228													
-	Mầm non Đông Thái	10.522.292.500	10.522.292.500													
-	Mầm non An Đông I	12.840.231.411	12.840.231.411													
-	Mầm non An Đông II	8.264.177.000	8.264.177.000													
-	Tiểu học Hồng Thái	10.601.356.217	10.601.356.217													
-	Tiểu học Đông Thái	11.002.766.494	11.002.766.494													
-	Tiểu học An Đông	19.476.239.955	19.476.239.955													
-	THCS Hồng Thái	8.830.518.000	8.830.518.000													
-	THCS Đông Thái	10.179.973.508	10.179.973.508													
-	THCS An Đông	11.783.695.903	11.783.695.903													
<b>10</b>	<b>Dự toán còn lại chưa phân bổ (các nhiệm vụ phát sinh, sửa chữa, đảm bảo điều kiện hoạt động của địa phương...)</b>	<b>20.577.247.707</b>	<b>7.018.574.377</b>	<b>774.700.500</b>	<b>41.200.000</b>	<b>517.400.000</b>	<b>192.350.000</b>	<b>94.500.000</b>	<b>1.784.847.208</b>	<b>718.481.000</b>	<b>8.643.866.982</b>	<b>382.802.640</b>	<b>408.525.000</b>	<b>5.704.000.000</b>	<b>14.873.247.707</b>	